

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HĐ
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **97/2022/DS-ST**.

Ngày: 14/12/2022.

V/v tranh chấp góp hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HĐ - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng.

2. Bà Phạm Hồng Gái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện HĐ.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện HĐ tham gia phiên tòa: Bà Trần Phương Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/12/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 131/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp góp hui. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Mỹ X**, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Kênh X, xã BG, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh **Lê Thanh Ph** (G), sinh năm 1987 (vắng).

Địa chỉ: ấp ĐTh, xã BG, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ NLQ1 (vắng mặt);

2/ NLQ2.

- Người làm chứng:

1/ NLC1;

2/ NLC2;

3/ NLC3.

(những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ X trình bày:*

Vào ngày 10/01/2015 âm lịch (al), bà X có áp 01 dây hụi mùa, cứ 6 tháng áp hụi một lần, dây hụi này có 13 chân, hụi chết đóng 10.000.000đồng/chân; vợ chồng anh Ph, NLQ1 tham gia 01 chân và hốt lần đầu tiên vào ngày 10/01/2015 (al) với số tiền 60.000.000đồng, sau khi trừ tiền cò thì số tiền thực nhận là 55.000.000 đồng; bà X đã giao tiền xong cho vợ chồng anh Ph, NLQ1. Sau đó anh Ph, NLQ1 có đóng chết đến lần thứ 03, còn lại 10 lần chưa đóng thành tiền là 100.000.000 đồng. Tính đến ngày khởi kiện thì dây hụi đã mãn (mãn vào ngày 10/01/2021 âm lịch), sau nhiều lần yêu cầu anh Ph, NLQ1 đóng hụi chết thì NLQ1 có trả cho bà X được số tiền 40.000.000đồng rồi không đóng nữa cho đến nay. Vì vậy, bà X làm đơn khởi kiện anh Ph, NLQ1 yêu cầu trả cho bà X số tiền còn nợ 60.000.000đồng và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng, thời gian tính từ ngày 10/6/2020 cho đến 03/10/2022 là 27,5 tháng đối với số tiền 60.000.000đồng thành tiền 13.695.000đồng, tổng cộng gốc, lãi 73.695.000đồng.

Tại phiên tòa; bà X yêu cầu anh Lê Thanh Ph (G) và NLQ1 phải trả cho bà số tiền gốc là 60.000.000đồng; đồng thời bà xin rút một phần yêu cầu tính lãi; chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 10/01/2021 (al) cho đến 03/10/2022 (al) làm tròn 20 tháng, với mức lãi suất 0,83%/tháng thành tiền 9.960.000đồng, tổng cộng gốc, lãi 69.960.000đồng.

** Anh Lê Thanh Ph (G) và NLQ1:* Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đạt thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Ph, NLQ1 đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh Ph, NLQ1 đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Tại biên bản ghi lời khai của NLQ2 trình bày như sau:*

NLQ2 khai rằng; bà là mẹ ruột của NLQ1 và là mẹ vợ của anh Lê Thanh Ph (tên thường gọi là G). Trước đây khi vợ chồng NLQ1 và Ph còn chung sống với nhau thì có tham gia dây hội mùa do bà Lê Thị Mỹ X làm chủ, vợ chồng NLQ1, Ph đã hót nhưng chưa đóng hết hội chết cho bà X; đến năm 2017 thì vợ chồng NLQ1, Ph ly hôn và có thỏa thuận NLQ1, Ph mỗi người chịu trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số tiền hội là 50.000.000đồng cho bà X. NLQ1 đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà X được 40.000.000 đồng còn Ph thì chưa trả được đồng nào cho chủ hội; Đối với việc Ph cho rằng Ph hót hội dùm cho bà thì NLQ2 khẳng định là không có, bà không tham gia chơi hội của bất kỳ ai; Việc tham gia hội của bà X là do Ph và NLQ1 tham gia nên Ph và NLQ1 có trách nhiệm trả nợ cho bà X chứ không liên quan đến bà. Hiện Ph đã có vợ khác và đang sinh sống tại ấp Đ, xã BG, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang; còn NLQ1 biết được việc bà X khởi kiện NLQ1 tại Tòa án nhưng vì làm ăn xa, điều kiện đi lại khó khăn nên NLQ1 không có mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

** Tại biên bản ghi lời khai của người làm chứng NLC1, NLC2 và NLC3 trình bày như sau:*

Năm 2015 các bà có tham gia chơi dây hội mùa do bà Lê Thị Mỹ X làm chủ, dây hội được áp vào ngày 10/01/2015 âm lịch, cứ 6 tháng áp hội một lần, dây hội này có 13 chân, hội chết đóng 10.000.000đồng/chân. Trong đó có vợ chồng NLQ1, anh Ph (tên thường gọi là G) tham gia 01 chân và hót ngay lần đầu áp hội, với số tiền ghi trên thăm là 5.000.000đồng nên số tiền thực nhận là 55.000.000 đồng (vì trừ tiền cò cho chủ hội); Sau khi hót hội thì vợ chồng NLQ1, anh Ph có đóng hội chết hay không hoặc đã đóng được bao nhiêu lần thì các bà không biết (vì khi hót hội thì chủ hội có trách nhiệm giao tiền được hót đầy đủ cho hội viên, còn hội viên đã hót mà không đóng hội chết thì chủ hội có trách nhiệm tràn hội để giao tiền đầy đủ cho hội viên được hót và hội viên còn nợ có trách nhiệm trả nợ cho chủ hội).

Đối với NLQ2 là mẹ ruột NLQ1 thì NLQ2 không có tham gia chơi dây hội mùa của bà X làm chủ mà chỉ có vợ chồng NLQ1, Ph tham gia và vợ chồng NLQ1, Ph là người nhận tiền hội.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HĐ phát biểu:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thì nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự; phía bị đơn anh Lê Thanh Ph, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1 dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng anh Ph và NLQ1 vẫn vắng mặt nên đã vi phạm quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 17, 31 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, họ, họ, họ, họ, họ và Điều 24, khoản 1 Điều 27 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, họ, họ, họ, họ.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ X; buộc anh Lê Thanh Ph (G) và NLQ1 phải trả cho cho bà Lê Thị Mỹ X số tiền 69.960.000đồng (trong đó, gốc 60.000.000đồng và lãi 9.960.000đồng).

+ Đình chỉ một phần yêu cầu tính lãi với số tiền 3.735.000đồng.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc anh Phong và chị Mến phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo đơn khởi kiện bà Lê Thị Mỹ X yêu cầu anh Lê Thanh Ph và NLQ1 phải liên đới trả cho bà X số tiền họ còn nợ. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp DT, xã BG, huyện HD, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HD, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Lê Thanh Ph (G) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1, NLQ2 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Ph, NLQ1 và NLQ2 tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] Xét về hợp đồng góp hụi giữa bà Lê Thị Mỹ X với anh Lê Thanh Ph (G) và NLQ1 được xác lập ngày 10/01/2015 âm lịch thấy rằng việc thỏa thuận góp hụi giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật; hợp đồng góp hụi được xác lập bằng lời nói, hụi có lãi và có hoa hồng (tiền cò) phù hợp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và Điều 7, 8, 9 và Điều 10 của Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phường.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng: Phía nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án 01 biên bản về việc các hụi viên tham gia dây hụi mùa, được áp vào ngày 10/01/2015 (al) trong đó có anh Ph (G) và NLQ1 tham gia 1 chân và hốt ngay lần đầu tiên áp hụi với số tiền bỏ thăm là 5.000.000đồng nên số tiền thực nhận là 55.000.000đồng có chữ ký, chữ viết tên “ m” “NLQ1” và “g”; 01 tờ cam kết trả nợ đề ngày 28/12/2017 với nội dung vợ chồng anh Ph, NLQ1 còn nợ tiền hụi của bà X và hẹn ngày 28/01/2018 sẽ trả nợ do NLQ1 là ký tên và viết họ tên người cam kết nhưng rồi cũng không thực hiện.

Tại bản án số 30/2017/HNGĐ-ST ngày 30/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện HĐ giải quyết về việc xin ly hôn giữa NLQ1 và anh Ph có thể hiện khoản nợ chung là tiền hụi của bà Lê Thị Mỹ X và bà Lê Thị S nhưng các đương sự tự thỏa thuận nên không giải quyết trong vụ án này và bảo lưu quyền khởi kiện ở vụ kiện dân sự khác nếu có tranh chấp.

Tại bản tự khai đề ngày 28/12/2017 của NLQ1 cũng thừa nhận rằng vợ chồng NLQ1, anh Ph (g) có tham gia dây hụi mùa do bà X làm chủ, dây hụi có 13 chân, hụi chết đóng 10.000.000đồng/chân, cứ 06 tháng áp hụi một lần, NLQ1 và anh Ph hốt được số tiền 55.000.000đồng (đã trừ tiền cò) và hiện còn nợ tiền hụi chết của bà X.

Từ các chứng cứ trên cho thấy, NLQ1 và anh Ph (g) có tham gia dây hụi mùa được áp vào ngày 10/01/2015 (al) do bà X làm chủ; NLQ1 cũng thừa nhận còn nợ tiền hụi của bà X đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với anh Lê Thanh Ph (G): Tại bản tự khai đề ngày 28/12/2017 (trong vụ án dân sự thụ lý số 280/2017/TLST-DS ngày 12/12/2017 và Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 85/2017/QĐ-DSST ngày 29/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện HĐ giữa bà Lê Thị Mỹ X với anh Lê Thanh Ph và NLQ1) có ghi “Tôi tên là Lê Thanh Ph

(g) 1987” và phần cuối chỗ người khai ký tên và ghi rõ họ tên “ ph và NLQ1” điều này thể hiện anh Lê Thanh Ph còn có tên gọi khác là g; còn về nội dung bản tự khai thể hiện anh Ph có nhận tiền hui từ chủ hui tức bà X. Tuy nhiên, anh Ph cho rằng số tiền hui mà anh nhận là của NLQ2 (mẹ vợ của anh) vì mẹ vợ kêu anh nhận dùm thì anh nhận. Vì vậy, anh không có trách nhiệm trả số nợ này.

Tại các biên bản ghi lời khai của người làm chứng cũng là những người cùng tham dây hui mùa được áp vào ngày 10/01/2015 âm lịch do bà X làm chủ đều xác định rằng anh Ph (G) và NLQ1 là người trực tiếp tham gia dây hui mùa và cũng đã hót xong; chữ ký tên gang trong biên bản và biên nhận ngày 10/01/2015 đúng là do anh Ph ký. Ngoài ra, NLQ2 cũng khẳng định rằng bà không tham gia chơi dây hui nào do bà X làm chủ nên không có việc bà kêu anh Ph nhận tiền hui dùm cho bà. Hơn nữa, chủ hui tức là bà X cũng xác định NLQ2 không tham gia dây hui nào của bà mà chính vợ chồng anh Ph và NLQ1 mới là người trực tiếp tham gia và nhận tiền hui từ bà.

Mặc khác, Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo hợp lệ cho anh Ph được biết việc giao nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh anh nhận tiền hui dùm cho NLQ2 nhưng anh Ph không cung cấp; đồng thời Tòa án có ban hành thông báo về việc đối chất giữa anh Ph, NLQ1, NLQ2 và bà X nhưng anh Ph vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy đây chỉ là lời khai nại của anh Ph nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

Từ những phân tích trên và quan điểm của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ X, buộc anh Lê Thanh Ph (G) và NLQ1 phải trả cho bà X số tiền hui còn nợ là 60.000.000đồng.

[3.3] Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Hợp đồng góp hui xác lập ngày 10/01/2015 (al) là hui có lãi và mức lãi suất mà phía nguyên đơn yêu cầu là 0,83%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 10/01/2021 (al) cho đến 03/10/2022 (al) làm tròn 20 tháng. Xét thấy yêu cầu tính lãi và mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 24 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phường nên Hội đồng xét xử chấp nhận; số tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 10/01/2021 (al) cho đến 03/10/2022 (al) làm tròn 20 tháng:
 $60.000.000\text{đồng} \times 0,83\% \times 20 \text{ tháng} = 9.960.000\text{đồng}.$

- Buộc anh Lê Thanh Ph (G) và NLQ1 phải liên đới trả cho bà Lê Thị Mỹ X tổng số tiền hui còn nợ là 69.960.000đồng (Sáu mươi chín triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Đình chỉ một phần yêu cầu tính lãi của bà Lê Thị Mỹ X đối với anh Lê Thanh Ph (G) và NLQ1 với số tiền 3.735.000đồng.

2/. Về án phí DSST: Buộc anh Lê Thanh Ph (G) và NLQ1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.498.000 đồng.

Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Mỹ X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001478 ngày 13/12/2021 và số tiền 590.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008213 ngày 27/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

3/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/12/2022). Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhân:

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện HĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký và đóng dấu)

Trịnh Thị Hồng Diệp